TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2018/HNGĐ-ST
Ngày:03/8/2018.
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Chinh, ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Lê Quý Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 3 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc Á, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Buôn M 3, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Buôn M 3, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Hoàng Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc Á và chị Võ Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2010 thì giữa anh Á và chị L phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nên anh Á và chị L đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống không hòa hợp, hai bên không có sự tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi vã có lúc dẫn đến xô xát. Nay tình cảm không còn nữa nên anh Á yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh Á và chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Á và chị L có 03 con chung là: Hoàng Minh Đ, sinh năm 1997; Hoàng Thị Thu S, sinh năm 1999 và Hoàng Anh P, sinh ngày 25/3/2014. Đối với cháu Đ và cháu S hiện đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên anh Á không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu P, anh Á và chị L thỏa thuận giao cháu P cho chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Á và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 24/4/2018 anh Á có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nhưng sau khi hòa giải anh Á và chị L đã tự thỏa thuận việc chia tài sản và công nợ, nên ngày 06/7/2018 anh Á có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung theo quy định

Bị đơn chị Võ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Hoàng Ngọc Á chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2010 thì giữa anh Á và chị L phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nên anh Á và chị L đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống không hòa hợp, hai bên không có sự tôn trọng nhau, anh Á sống không chung thủy nên thường xuyên bỏ nhà đi, kiếm chuyện gây sự với vợ con. Nay tình cảm không còn nữa nên chị L cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị L và anh Á theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh Á có 03 con chung là: Hoàng Minh Đ, sinh năm 1997; Hoàng Thị Thu S, sinh năm 1999 và Hoàng Anh P, sinh ngày 25/3/2014. Đối với cháu Đ và cháu S hiện đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu P, chị L đồng ý với thỏa thuận của anh Á là giao cháu P cho chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh Á tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh Á có tạo lập được một số tài sản chung nhất định nhưng hai bên đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo trình tự quy định của pháp luật, đại diện viện kiển sát không có ý kiến gì thêm. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Ngọc Á và chị Võ Thị L; Về con chung: Chấp nhận việc anh Á và chị L thỏa

thuận giao cháu Hoàng Anh P cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Á và chị L tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Á có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nhưng ngày 06/7/2018 anh Á có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp nên cần chấp nhận; Về án phí: Anh Hoàng Ngọc Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Ngọc Á và chị Võ Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Á và chị L đều thừa nhận mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân nên anh Á yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh Á và chị L. Xét thấy, việc anh Á và chị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 để xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa anh Á và chị L.

[3] Về con chung: Đối với con chung là Hoàng Minh Đ, sinh năm 1997 và Hoàng Thị Thu S, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành anh Á và chị L không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Còn đối với con chung Hoàng Anh P, sinh ngày 25/3/2014 chị L và anh Á thỏa thuận giao con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Anh P cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu P còn nhỏ và đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận về nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử cần chấp giao cháu P cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 24/4/2018 anh Á có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nhưng sau khi hòa giải anh Á và chị L đã tự thỏa thuận việc chia tài sản, nên ngày 06/7/2018 anh Á có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung theo quy định. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản của anh Á là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Hoàng Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Á số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14; 15; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Ngọc Á và chị Võ Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Anh P, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Võ Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Hoàng Ngọc Á được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Ngọc Á và chị Võ Thị L tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Hoàng Ngọc Á.

5. Về án phí: Buộc anh Hoàng Ngọc Á phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Krông Búk theo biên lai thu tiền số 0001434 ngày 23/01/2018. Hoàn trả cho anh Hoàng Ngọc Á số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 13.670.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện Krông Búk theo biên lai số 0004853 ngày 7/5/2018.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Thái Văn Hải